



SO SÁNH NHỮNG CUỘC NỔI DẬY CỦA NGƯỜI Ả-RẬP: NHỮNG BÀI HỌC NĂM 1989

Nguồn: Lucan Way (2011), "Comparing the Arab Revolts: The Lessons of 1989", *Journal of Democracy*, Volume 22, Number 4, October 2011, pp. 13-23.

Biên dịch: Phạm Văn Giang | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

"Mùa xuân Ả-rập" ngay từ khi nổ ra đã là một đề tài làm gia tăng nhanh chóng những so sánh với những sự kiện năm 1989, và quả đúng như vậy.¹ Hai thập niên kể từ khi Đông Âu cộng sản sụp đổ, chúng ta đã có những bài học đắt giá về sự chuyển tiếp thể chế, qua đó giúp chúng ta hiểu biết sâu rộng hơn về những gì đang xảy ra ở Trung Đông và Bắc Phi ngày nay. Đáng tiếc là việc so sánh này không làm cho chúng ta lạc quan về triển vọng dân chủ trong ngắn hạn tại đó. Những tương đồng và dị biệt khi đem so sánh với các sự kiện xảy ra vào năm 1989 cho thấy rằng sẽ có thêm những kẻ độc tài tiếp tục bám víu quyền lực trong năm 2011, và rằng các quốc gia chứng kiến sự sụp đổ của chế độ độc tài sẽ có ít khả năng dân chủ hóa hơn so với các quốc gia Châu Âu có cùng hoàn cảnh trước kia.

Cả hai sự kiện năm 1989 và 2011 đều làm cho các chuyên gia của khu vực hoàn toàn bất ngờ, biểu tình và khủng hoảng đã lan rộng khắp các chế độ nơi mà hầu hết các nhà quan sát cho rằng chúng đã ổn định một cách lạ lùng. Vào năm 1989, công cuộc tự do hóa do Mikhail Gorbachev khởi xướng ở Liên Xô và sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản ở Ba Lan đã gây cảm hứng cho những người dân vốn từng sống trong cam chịu và những lực lượng đối lập đang lụi tàn trước đó xuống đường và đòi hỏi thay đổi ở Hungari, Tiệp Khắc, Đông Đức, Bungari và cuối cùng là

¹ Marc Morje Howard, "Similarities and Differences between Eastern Europe in 1989 and the Middle East in 2011," <http://themonkeycage.org/blog/2011/05/30/similarities-and-differences-between-eastern-europe-in-1989-and-the-middle-east-in-2011>.

Rumani. Những cuộc xuống đường chưa từng có như vậy tới lượt chúng đã làm kinh sợ những lãnh đạo độc tài và buộc họ phải có những nhượng bộ to lớn. Sự thay đổi ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi xảy ra thậm chí còn bất ngờ hơn sau trường hợp tự thiêu quyên sinh của của một người bán hàng rong người Tuynidi, Mohamed Bouazizi, vào cuối năm 2010. Sự kiện này đã châm ngòi cho những cuộc biểu tình rộng khắp đất nước và cuối cùng tác động tới hầu hết các quốc gia từ Maroc cho tới Iran.

Các sự kiện chính trị của năm 1989 và năm 2011 là những ví dụ mạnh mẽ về một ranh giới mỏng manh của thay đổi giữa các quốc gia, theo đó, sự thay đổi ở một quốc gia có thể ảnh hưởng bất ngờ và mạnh mẽ tới các chế độ chuyên quyền lân cận mà nhìn bề ngoài có vẻ ổn định. Vì sự vận hành nội tại của các chế độ phi dân chủ bị che khuất nên thường gây khó khăn cho những người ngoài cuộc lượng giá sức mạnh thực sự của nó. Những ví dụ đầy kịch tính về sự chuyển đổi thể chế liền kề có thể làm các nhà hoạt động chính trị ngộ ra (hoặc đúng hoặc sai) rằng các thể chế mà họ từng nghĩ là vững mạnh thì trên thực tế lại rất yếu kém, và điều đó cũng thúc đẩy người dân xuống đường.

Hiệu ứng biểu tình của quá trình chuyển đổi dân chủ ở nước láng giềng cũng mang lại cho các lực lượng đối lập các chiến lược và biểu tượng mới để huy động sự ủng hộ.² Theo đó, việc biểu lộ sự bất mãn tột cùng của Bouazizi ở Tuynidi đã thôi thúc các sự kiện quyên sinh ở các quốc gia lân cận như Angiêri, Ai Cập, Mauritania. Kết quả là, khủng hoảng chế độ lan truyền từ nước này qua nước khác, nơi mà dân chúng một thời gian dài từng sống trong cam chịu, và các điều kiện trong nước hoàn toàn không thuận lợi cho việc biểu tình.

Tuy nhiên, việc so sánh hai nhóm sự kiện này (vào năm 1989 và 2011) cũng cho chúng ta thấy những hạn chế của chỉ riêng sự ảnh hưởng lan tỏa trong vai trò một nguồn sức mạnh để thay đổi chế độ. Các thay đổi ở Âu Châu vào năm 1989 tỏ ra mạnh mẽ và lâu dài đến vậy bởi ảnh hưởng lan tỏa đã được hỗ trợ bởi một sự chuyển đổi cơ bản trong cán cân quyền lực khu vực và việc mất đi đột ngột của một nguồn lực trọng yếu giúp duy trì sự ổn định của thể chế cộng sản. Việc Gorbachev cắt đứt nguồn viện trợ to lớn của Liên Xô dành cho các thể chế cộng sản ở Trung và Đông Âu đã tạo ra những thách thức mới thực sự cho sự tồn tại của chế độ độc tài trong khu vực. Giống như các đồng sự của họ ở Trung và Đông Âu năm 1989, nhiều nhà độc tài của thế giới Ả-rập cũng đang phải đối mặt với tình trạng bất ổn chưa có tiền lệ ở nước mình. Tuy nhiên, nhiều nếu không nói là hầu hết các

² Valerie Bunce and Sharon Wolchik, *Defeating Authoritarian Leaders in Postcommunist Countries* (New York: Cambridge University Press, 2011).

nhà độc tài vẫn giữ vững các nguồn lực ngoại giao và an ninh vốn đã giúp duy trì chế độ của họ lâu nay. Các yếu tố thuộc về môi trường bên ngoài đã hỗ trợ cho các chế độ này trong nhiều thế hệ (ví dụ như sự ủng hộ về tài chính của Mỹ và cuộc xung đột giữa Israel và thế giới Ả-rập) đã không thay đổi nhiều.

Kết quả là các sự kiện của năm 2011 ở Trung Đông hoàn toàn khác so với năm 1989 ở Đông Âu. Các chế độ chuyên quyền của thế giới Ả-rập ngày nay có cơ hội tồn tại nhiều hơn so với các chế độ chuyên chế cộng sản trước kia. Thành thực mà nói, những kết quả trái ngược của Mùa Xuân Ả-rập cho tới nay - bao gồm chế độ chuyên chế được củng cố ở Baran, đàn áp khốc liệt ở Syria, bất ổn ở Libya và Yemen - đã minh họa cho sự ảnh hưởng lan tỏa trái ngược nhau khi thiếu vắng những thay đổi về cấu trúc. Chừng nào nền móng của chủ nghĩa độc tài còn đó thì ảnh hưởng lan tỏa sẽ chẳng thể mang lại dân chủ hóa.

Đồng thời, đặc điểm của quá trình ảnh hưởng lan tỏa trong thế giới Ả-rập rất cục có thể củng cố chế độ chuyên chế hơn so với Châu Âu hai thập niên trước đây. Vào năm 1989, hiệu ứng biểu tình đã cho thấy rõ sự nguy hiểm của việc đàn áp cứng (bằng vũ lực). Rõ ràng ai cũng nhận thấy nhà độc tài Đông Âu duy nhất kiên quyết chống lại bất cứ cải cách nào là Nicolae Ceausescu của Rumani đã bị hạ bệ trong một cuộc đảo chính quân sự, bị xử bắn vào ngày lễ Giáng Sinh, và thi thể bị công khai trên truyền hình. Đó là một bài học cho những kẻ đứng đầu các chế độ độc đảng khác đang phân vân nên tự do hóa hay bằng mọi giá tìm cách níu kéo quyền lực. Quả thực, sau khi chứng kiến các sự kiện này trong một chuyến đi tới Rumani, Julius Nyerere, nhà lãnh đạo của chế độ độc đảng Tanzania, đã đề xướng một quá trình chuyển đổi sang thể chế đa đảng. Ông bộc bạch với một nhà báo, "khi bạn nhìn thấy người hàng xóm của mình đang bị cạo râu, thì bạn cũng nên làm ướt râu đi, nếu không bạn sẽ bị cạo trong đau đớn."³ Trái ngược với Đông Âu, khu vực Trung Đông và Bắc Phi vẫn là nơi nung nấu của một lượng lớn các nhà độc tài và họ cho thấy những đòi hỏi của dân chúng về thay đổi chế độ có thể bị dập tắt bằng bạo lực. Cùng lúc đó, phiên tòa dành cho cựu tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak có thể đánh động các nhà độc tài khác rằng việc từ bỏ quyền lực để dẫn tới việc bị "cạo râu trong đau đớn" hơn so với tìm cách nắm giữ quyền lực bằng mọi giá.

Tại sao độc tài ngã ngựa

Trường hợp của Ceausescu cho thấy, sự tồn tại của chế độ độc tài không phải chỉ do ý muốn của nhà độc tài. Thường thì các nhà độc tài rời bỏ quyền lực không phải

³ Trích trong Colleen Lowe Morna, "Tanzania: Nyerere's Turnabout," *Africa Report*, September-October 1990, 24.

vì họ muốn vậy, mà bởi vì các liên minh chủ chốt về chính trị, kinh tế, và quân sự buộc họ phải rời bỏ quyền lực khi thấy rằng chế độ đó không còn giá trị đáng để được ủng hộ nữa. Sự sẵn sàng ủng hộ chế độ trong thời kỳ khủng hoảng của giới tinh hoa thường mang tính quyết định hơn so với số lượng người biểu tình trên đường phố. Như trường hợp tổng thống Tuynidi Zin al-Abidine Ben Ali bị buộc phải rời bỏ đất nước bởi những đám đông hàng ngàn người tức giận, và mặc dù những đám đông biểu tình này là khá lớn ở quốc gia như Tuynidi, nhưng cũng khó mà đủ lớn để áp đảo lực lượng quân đội và cảnh sát. Ngược lại, những nhà cầm quyền của Cộng hòa Hồi giáo Iran lại trụ được mặc cho những cuộc biểu tình kéo dài trên sáu tháng của hàng trăm ngàn người sau cuộc bầu cử gian lận tháng 6 năm 2009. Thực tế, những nhà lãnh đạo nào có thể duy trì được sự ủng hộ của giới tinh hoa chủ chốt sẽ có khả năng tồn tại cho dù xảy ra khủng hoảng nghiêm trọng. Giai đoạn 1989 tới 1991 cho chúng ta thấy các chế độ cộng sản nào mà giới tinh hoa của chúng duy trì được sự liên kết sẽ có khả năng tồn tại mặc cho những cuộc biểu tình rộng khắp (như ở Trung Quốc) hay suy thoái kinh tế trầm trọng (như Cuba, Bắc Triều Tiên).

Điều gì đã làm cho giới tinh hoa trong một số quốc gia quyết tâm nắm giữ quyền lực cho dù phải đối diện với khủng hoảng, trong khi ở các quốc gia khác họ lại nhanh chóng tìm đường chạy thoát? Ngày nay, những nhà nghiên cứu về sự dẻo dai của chế độ độc tài chủ yếu tập trung tìm hiểu tầm quan trọng của quá trình thể chế hóa qua đó cho phép giới tinh hoa được tiếp cận quyền lực và mạng lưới bảo trợ thân hữu.⁴ Những chế độ độc tài nào tạo nên những cơ chế ổn định điều tiết sự tiếp cận tài sản vật chất của các nhà lãnh đạo, đặc biệt thông qua các đảng phái chính trị - sẽ kéo dài thời gian tồn tại và khuyến khích lòng trung thành lâu dài với chế độ. Theo quan điểm này, các đồng minh sẽ duy trì lòng trung thành đến chừng nào chế độ còn khả năng chi trả cho họ.

Tuy nhiên, sự sụp đổ đầy bất ngờ của chủ nghĩa cộng sản vào năm 1989 cũng giống như sự ngã ngựa của Ben Ali và Mubarak gần đây hơn cho thấy rằng ngay cả các chế độ dựa trên mạng lưới bảo trợ thân hữu vững chắc và sâu rộng thực tế lại vẫn dễ bị sụp đổ nhanh chóng cũng như chịu cảnh thành viên rời bỏ chế độ ào ạt. Ở Tuynidi và Ai Cập, tình trạng thất nghiệp cao, giá lương thực thực phẩm đắt đỏ đã nuôi dưỡng sự bất mãn cao độ; nhưng các chế độ này được hưởng lợi từ tình hình tăng trưởng khả quan của nền kinh tế năm 2010, có dư giả tiền để chi trả

⁴ Xem Barbara Geddes, "That Do We Know About Democratization After Twenty Years?" *Annual Review of Political Science* 2 (1990): 155-44; Beatriz Magaloni, "Credible Power-Sharing and the Longevity of Authoritarian Rule," *Comparative Political Studies* 41 (April 2008): 715-41; và Bruce Bueno de Mesquita and Alastair Smith, "How Tyrants Endure," *New York Times*, 9 June 2011.

cho lực lượng cảnh sát và quân đội, và không thiếu sự bảo trợ dành cho tầng lớp quan chức lãnh đạo dân sự và an ninh.

Thực ra, những kích lệ hoàn toàn mang tính vật chất chỉ mang lại một sự liên kết lỏng lẻo trong lòng chế độ khi xảy ra khủng hoảng.⁵ Nếu cuộc khủng hoảng làm cho tầng lớp trên ngỡ rằng chế độ chỉ tồn tại được trong một năm nữa thì họ có thể toan tính rằng họ sẽ được nhiều hơn mất nếu gia nhập lực lượng đối lập. Như Steven Levitsky và tôi đã lập luận, những chế độ chuyên chế khét tiếng nhất là những chế độ không ngừng ban phát bảo trợ bằng những mối quan hệ phi vật chất, những quan hệ này thúc đẩy sự tin tưởng trong giới tinh hoa khi xảy ra khủng hoảng và khiến các đồng minh phải trả giá đắt nếu họ rời bỏ đội ngũ. Những liên kết phi vật chất bao gồm sự chia sẻ về sắc tộc hoặc hệ tư tưởng trong bối cảnh có sự chia rẽ sắc tộc hoặc tư tưởng sâu sắc.

Tuy nhiên, những ràng buộc mạnh mẽ và bền chặt nhất lại là những ràng buộc được rèn rũa trong đấu tranh vũ trang cách mạng. Như Samuel P. Huntington đã lưu ý mấy chục năm trước đây rằng các cuộc cách mạng là “phương tiện chóng vánh nhất để làm nảy sinh tình huynh đệ trong lịch sử.”⁶ Hơn nữa, cuộc đấu tranh cách mạng thường đi kèm với những mối quan hệ đảng phái mạnh mẽ và cảm giác về một “sự nghiệp cao cả” vốn có thể là động cơ để các nhà lãnh đạo bám víu quyền lực ngay cả khi chế độ tỏ ra yếu kém và khả năng bảo trợ bị đe dọa.

Cuối cùng, và có lẽ là quan trọng nhất, đấu tranh cách mạng thường tạo ra các mối quan hệ mạnh mẽ giữa các nhà lãnh đạo chính trị và các lực lượng an ninh. Khi cuộc đấu tranh cách mạng xuất hiện, các lực lượng an ninh thường cam kết mạnh mẽ đối với việc bảo vệ sự tồn tại của chế độ và “thấm nhuần” hệ tư tưởng chủ đạo, tất cả những điều đó làm gia tăng tính kỷ luật. Cuộc đấu tranh cách mạng trong bạo lực thường có xu hướng sản sinh ra một thế hệ các nhà lãnh đạo có gan chấp nhận sự trấn áp bằng vũ lực.

Sự hiện hữu hoặc thiếu vắng của một cuộc đấu tranh cách mạng gần đây giải thích phần lớn tại sao một số thể chế cộng sản tồn tại sau sự kiện 1989 trong khi những thể chế cộng sản khác lại sụp đổ. Những chế độ cộng sản tiếp tục tồn tại sau khi Chiến Tranh lạnh kết thúc – bao gồm Trung Quốc, Cuba, Lào, Bắc Triều Tiên, Việt Nam - đều là những chế độ được lãnh đạo bởi các cựu binh của các cuộc

⁵ Steven Levitsky & Lucan A. Way, *Competitive Authoritarianism: Hybrid Regimes After the Cold War* (New York: Cambridge University Press, 2010).

⁶ Samuel P. Huntington, *Political Order in Changing Societies* (New Haven: Yale University Press, 1968), 311.

đấu tranh cách mạng.⁷ Sự tồn tại của chế độ (cộng sản) là đặc biệt đáng chú ý ở Trung Quốc, nơi mà chế độ phải đối mặt với những cuộc biểu tình khổng lồ năm 1989, và ở Cuba và Bắc Triều Tiên, nơi phải trải qua sự suy thoái kinh tế trầm trọng vào đầu những năm 1990 khi viện trợ của Liên Xô chấm dứt.

Ngược lại, hầu hết các chế độ cộng sản Đông Âu không trải qua một cuộc đấu tranh bạo lực kéo dài và đã sụp đổ mặc cho cấu trúc độc đảng lãnh đạo được thể chế hóa, điều mà nhiều người cho là sẽ đảm bảo sự ổn định của chế độ độc tài. Tương tự ở Nam Tư và Liên Xô, những nơi mà hầu hết thế hệ những người làm cách mạng đã chết trước 1989, các nhà lãnh đạo lại thiếu một *tinh thần đồng đội* đủ mạnh để đương đầu với những thử thách lớn. Chẳng hạn như ở Tuynidi và Ai Cập, tinh thần đồng đội đã không đủ mạnh để giúp họ cùng nhau bảo vệ chế độ khi khủng hoảng xảy đến.

Iran, vốn nổi lên từ cuộc đấu tranh cách mạng, có lẽ là chế độ vững mạnh nhất trong khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Trong số các di sản khác nhau, cuộc cách mạng Hồi giáo năm 1979 và cuộc chiến tranh Iran- Iraq 1980-1988 đã giúp tạo ra những lực lượng an ninh có động lực ý thức hệ mạnh mẽ và có hiệu quả cao, bao gồm cả lực lượng Vệ binh Cách mạng Hồi giáo và các lực lượng hỗ trợ bán quân sự Basij vốn được xem như "một trong những cơ quan trọng yếu bảo vệ an ninh nội bộ của chế độ Hồi giáo này."⁸ Sức mạnh và động cơ của những lực lượng này có thể giải thích tại sao chế độ Hồi giáo Iran đã tồn tại trong nhiều năm mặc cho sự cô lập quốc tế và những cuộc biểu tình rộng lớn vào năm 2009, vốn có thể sánh ngang cả về độ lớn và mức độ kéo dài so với những cuộc biểu tình ở Ai Cập, và lớn hơn nhiều so với những cuộc biểu tình ở Tuynidi.

Các quốc gia khác ở Trung Đông thiếu một truyền thống cách mạng như vậy nhưng lại sở hữu những mối quan hệ phi vật chất khác giúp nâng cao sự liên kết giới cầm quyền trong khủng hoảng. Ở Baranh và Syria, các chế độ dựa vào sự ủng hộ mạnh mẽ của những nhóm dân thiểu số. Ở Baranh, nhiều người thuộc nhóm thiểu số Sunni coi nền quân chủ Sunni là chìa khóa để bảo vệ lợi ích của mình chống lại sắc dân Shia chiếm đa số. Ở Syria, vũ khí chính của tổng thống Bashar al-Assad dùng để chống lại quan điểm bất đồng là một lực lượng quân đội và tình báo được kiểm soát bởi những người đồng đạo Alawites của ông, những thành viên của một nhóm tôn giáo thiểu số chiếm chỉ một phần mười dân số. Sự ủng hộ của sắc dân thiểu số không đảm bảo một cách chắc chắn sự tồn tại của chế độ. Những

⁷ Ngoại lệ đối với mẫu hình này là Anbani, nơi chế độ đã sụp đổ bất chấp sự áp đảo kéo dài của các cựu binh trong cuộc đấu tranh vũ trang, chủ yếu do yếu kém quá lớn của nhà nước.

⁸ Hossein Aryan, "Iran's Basij Force: The Mainstay of Domestic Security," *Radio Free Europe/Radio Liberty*, 7 December 2008.

cuộc biểu tình có thể trở nên quá lớn mạnh đến mức không thể kiểm soát được bởi ngay cả một lực lượng quân đội đoàn kết, hoặc tình hình trở nên quá tồi tệ khiến các sắc dân thiểu số bỏ rơi những người đã từng đỡ đầu họ. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, sự ủng hộ của các sắc dân thiểu số mang lại một nguồn trọng yếu giúp hình thành mức độ liên kết cao mà những chế độ khác không có.

Trong những trường hợp khác, như Libya, các lãnh đạo độc tài đã dựa vào các quan hệ thân tộc. Chẳng khác nhiều chế độ quân chủ Hồi giáo,⁹ những người con trai, anh, em ruột thịt, dâu, rể của kẻ trị vì kiểm soát các nguồn lực cơ bản về kinh tế và hành chính. Những lãnh đạo độc tài trong những trường hợp này làm cho nhà nước yếu đi một cách có chủ ý bằng cả hai phương cách là nhét đầy các chức vụ nhà nước bằng những thân hữu vốn được lựa chọn dựa vào lòng trung thành hơn là năng lực của họ, đồng thời hạn chế ngân sách cho các cơ quan nhà nước không được trực tiếp kiểm soát bởi các đồng minh thân cận. Chẳng hạn ở Libya, Muammar Qadhafi đầu tư nghèo nàn cho quân đội, trong khi lại đảm bảo rằng những người con trai của ông chỉ huy những lực lượng dân quân được đào tạo bài bản và trang bị tốt nhất.¹⁰ Những quan hệ thân tộc như vậy tạo nên nền tảng ủng hộ cho chế độ dù nhỏ nhưng đáng tin cậy trong các lực lượng an ninh. Khác hẳn với Tuynidi và Ai Cập, nơi mà các lực lượng quân đội chính quy đã đẩy Ben Ali và Mubarak ra khỏi vòng quyền lực, quân đội ở Libya quá nghèo và yếu để có thể buộc Qadhafi rời bỏ quyền lực. Qadhafi đã dựa vào sự ủng hộ kiên định của các lực lượng dân quân khi phải đối mặt với sự cô lập quốc tế và đợt không kích kéo dài 5 tháng của NATO. Trong khi đó, việc triệt phá nhà nước và dựa vào thân hữu cũng gây nên nhiều vấn đề cho ông ta. Bằng việc làm cho nhà nước yếu đi Qadhafi đã đặt chế độ của ông trong vòng nguy hiểm khi phải đối mặt với những xáo trộn xã hội đột ngột khiến cả khu vực phía đông của Libya rơi vào tay lực lượng đối lập non trẻ vào đầu năm 2011. Yếu kém đó cùng với những cuộc tấn công của NATO làm cho chế độ của ông bị ngã quy vào tháng Tám.

Tại sao dân chủ hóa thành công

Nhưng ngay cả khi lực lượng đối lập thành công trong việc hạ bệ những kẻ độc tài, thì nền dân chủ không vì thế mà được đảm bảo. Vào giữa năm 2011, những kẻ độc tài trong phần lớn khu vực Trung Đông đã rơi vào tình trạng bị động, chống đỡ,

⁹ Để biết một phân tích và miêu tả kinh điển đối với chế độ quân chủ Hồi giáo, xem H.E. Chehabi and Juan J. Linz, eds., *Sultanistic Regimes* (Baltimore: John Hopkins University Press, 1989).

¹⁰ Tony Capaccio, "Coalition Aircraft Watching Qaddafi Son's Elite Unit, U.S. Commander Says," *Bloomberg News*, 23 March 2011.

hứa hẹn những cải cách mà chỉ tám tháng trước không ai có thể hình dung được. Ví dụ, sau sự sụp đổ của Mubarak, Hội đồng Tối cao Các lực lượng vũ trang (SCAF) đã có những nhượng bộ đáng kể bao gồm cả việc đưa cựu tổng thống Ai Cập ra tòa. Một báo cáo viết "Các vị tướng sốt sắng xoa dịu dân chúng, có lẽ lo sợ rằng mình sẽ là mục tiêu tiếp theo."¹¹

Cũng vậy, những người cựu cộng sản ở khắp Liên Xô cũ đã phản ứng lại cuộc đảo chính thất bại của những người theo đường lối cứng rắn vào tháng Tám năm 1991 bằng cách xóa sổ Đảng Cộng sản và tuyên bố ủng hộ thay đổi dân chủ. Tổng thống Nga Boris Yeltsin hứa sẽ tiến hành cải tổ cơ bản KGB (Ủy ban An ninh Nhà nước Liên Xô). Tuy nhiên khi thiếu vắng một xã hội dân sự vững mạnh, thì áp lực xã hội vốn từng khơi dậy sự cải cách chính trị đã tỏ ra không bền vững trong trung hạn. Không bị kiểm chế bởi bất kỳ một lực lượng đối lập tự do có tổ chức tốt nào, các nhà độc tài trên khắp Liên Xô cũ đã nhanh chóng tập hợp lại sau cú sốc chuyển đổi ban đầu. Yeltsin đã thay đổi quan điểm và giữ lại nhiều cơ cấu cũ của KGB. Ngày nay truyền thông tự do và các cuộc bầu cử cạnh tranh vốn đã từng được cho là không thể đảo lộn nay chỉ còn là một kí ức xa vời.

Sự sụp đổ nhanh chóng đó được tạo ra dễ dàng hơn bởi trên thực tế hầu hết mọi người đều có kí ức ngăn ngui. Vào đầu những năm 1990, người dân trên khắp Liên Xô cũ bị tác động mạnh mẽ bởi lòng căm phẫn chủ nghĩa cộng sản, thứ chủ nghĩa làm cho người dân liên tưởng đến những cái kệ trống rỗng, hàng hóa kém chất lượng và những lãnh đạo già nua. Nhưng nền kinh tế sụp đổ và siêu lạm phát trong vài năm đã thay đổi tất cả, khiến người ta hoài niệm về thời kỳ chủ nghĩa xã hội trong xúc cảm trìu mến, ước vọng ổn định, phúc lợi xã hội và sức mạnh toàn cầu. Sự luyến tiếc như vậy là một nguyên do dẫn tới sự ủng hộ dành cho Vladimir Putin ở Nga. Ở Moldova, những cảm giác đó đã đưa Đảng Cộng sản trở lại nắm quyền vào năm 2001. Ở Ba Lan và Hungari, những cựu đảng viên cộng sản đã có thể giành chiến thắng trong những cuộc bầu cử chỉ vài năm sau khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ.

Trong những quốc gia như Tuynidi và Ai Cập, dường như chắc chắn rằng chỉ trong vòng vài năm, nếu không muốn nói là sớm hơn, chế độ cũ sẽ có vẻ tốt hơn nhiều trong con mắt của nhiều người. Có ít lý do để nghĩ rằng những nhà lãnh đạo mới sẽ có một thời gian dễ dàng hơn để giải quyết những vấn đề về tham nhũng, lạm phát, thất nghiệp vốn từng châm ngòi cho các cuộc biểu tình. Hơn nữa, sự chuyển đổi ở Ai Cập đã làm hồi sinh những xung đột bè phái và gia tăng tội phạm

¹¹ Recharad F. Worth, "Egypt's Next Crisis," *New York Times*, 27 May 2011.

mà nguyên nhân có thể do thay đổi chế độ. Như nhiều nơi ở Liên Xô trước đây, nhiều người cho rằng nền dân chủ được xem như đồng nghĩa với hỗn loạn.

Tuy nhiên, không phải vì vậy mà dân chủ hóa tất sẽ thất bại. Từ năm 1989, tất cả các quốc gia ở Trung Âu và ngay cả hầu hết các quốc gia vùng Ban-căng đã trở nên dân chủ. Sự hồi sinh của những cựu đảng viên cộng sản ở Hungari và Ba Lan không làm tiêu tan nền dân chủ ở đó. Điều gì đã tạo nên sự khác biệt trong các quốc gia này?

Dựa vào kinh nghiệm hậu cộng sản, có vài điều mà bây giờ chúng ta biết là *ít quan trọng hơn* chúng ta từng nghĩ. Trước hết, thiết kế hiến pháp không quan trọng mấy. Rất nhiều học giả cho rằng các nền dân chủ mới nổi với cơ quan lập pháp mạnh (cộng hòa nghị viện) thì có nhiều khả năng tồn tại hơn so với các nền dân chủ có vị trí tổng thống quyền lực (cộng hòa tổng thống).¹² Tuy nhiên, kinh nghiệm hậu cộng sản cho thấy rằng một vị trí tổng thống nhiều quyền lực vừa là kết quả vừa là nguyên nhân của chế độ chuyên chế.¹³ Nga và Bêlarút đã xây dựng các chế độ "siêu tổng thống" lần lượt vào năm 1993 và năm 1996 *sau khi* các nhà độc tài đã hoàn tất công việc giải tán nghị viện một cách bạo lực ở mỗi nước. Nhìn chung, mức độ tập trung quyền lực của tổng thống có mối tương quan rất lớn với khoảng cách từ Tây Âu, càng xa Tây Âu hơn thì khả năng hình thành chủ nghĩa độc tài và những vị tổng thống quyền lực càng lớn hơn, thay vì là các nền dân chủ và những tổng thống với quyền lực hạn chế. Cuối cùng, có ít bằng chứng cho thấy quyền lực chính thức của cơ quan lập pháp đóng vai trò nào đó trong quá trình dân chủ hóa Đông Âu.¹⁴ Các quy định của hiến pháp phần lớn đã bị bỏ đi trong khắp khu vực này. Chẳng hạn cả Slobodan Milosevic của Liên bang Nam Tư và Vladimir Meciar của Slovakia đều có quyền lực lớn hơn nhiều so với pháp luật của quốc gia họ quy định, và sự hạ bệ của họ bởi các lực lượng dân chủ chẳng liên quan gì tới bất cứ quyền lực lập pháp chính thức nào.

Tiếp theo, kinh nghiệm hậu cộng sản cũng cho thấy chúng ta nên tập trung ít hơn vào những nhân tố tương đối, chẳng hạn phương thức chuyển đổi thể chế chính trị. Thoạt tiên, nhiều người quan niệm rằng sự thành công của nền dân chủ phụ thuộc vào việc liệu lực lượng đối lập và những người đang cầm quyền có xây dựng "những thỏa ước" chuyển đổi nhằm đảm bảo sự ổn định dân chủ trong dài

¹² Tuyên bố kinh điển của lập luận này được đưa ra bởi Juan J. Linz hơn 20 năm trước đây trong "The Perils of Presidentialism," *Journal of Democracy* 1 (Winter 1990): 51-69. Xem thêm M. Steven Fish, "Stronger Legislatures, Stronger Democracies," *Journal of Democracy* 17 (January 2006): 5-20.

¹³ Gerald M. Easter, "Preference for Presidentialism: Postcommunist Regime Change in Russia and the NIS," *World Politics* 49 (January 1997): 184-211.

¹⁴ Levitsky & Way, *Competitive Authoritarianism*, ch.6.

hạn hay không. Quả thực, những thỏa ước đó đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi giúp các quá trình chuyển đổi diễn ra trong ổn định trong một vài trường hợp ở Mỹ Latinh như ở Venezuela và Colombia năm 1958. Tuy nhiên, kinh nghiệm hậu cộng sản nhắc chúng ta rằng thường thì những thỏa ước được tạo ra trong sự lộn xộn của quá trình chuyển đổi không có nhiều giá trị. Chẳng hạn, khi Công đoàn Đoàn Kết của Ba Lan gần như đã giành chiến thắng tất cả các ghế được bầu cạnh tranh của nghị viện trong các cuộc bầu cử vào tháng Sáu năm 1989, thì một thỏa ước nhằm đảm bảo cho Đảng Cộng sản được nắm đa số trong nghị viện bỗng chốc bị ném qua cửa sổ. Thực tế là dân chủ hóa đã diễn ra ở cả hai quốc gia Đông Âu nơi đã kinh qua những chuyển đổi có thỏa ước (Hungari và Ba Lan) và những quốc gia chuyển đổi mà không có thỏa ước (như Cộng hòa Séc và Rumani).

Với hành trình của 20 đã qua, điều trở nên rõ ràng là dân chủ hóa đã thắng thế từ Trung Âu đến Đông Âu phần lớn nhờ vào các nhân tố thuộc về cấu trúc lâu dài. Trước hết, trình độ phát triển kinh tế dường như là một nhân tố quan trọng. Trong số 10 quốc gia hậu cộng sản giàu nhất vào năm 1990,¹⁵ Nga là quốc gia duy nhất nơi mà nền dân chủ không thể bén rễ, đây là một ngoại lệ có thể được giải thích một phần bởi sự phụ thuộc nặng nề của Nga vào sự giàu có của tài nguyên thiên nhiên, một sự phụ thuộc vốn thường được coi là giúp thúc đẩy chủ nghĩa chuyên chế. Nhưng nhân tố quan trọng nhất kích thích quá trình dân chủ hóa là sức mạnh của các mối quan hệ với Phương Tây. Trong khi các quốc gia tương đối phát triển như Cộng hòa Séc và Hungari đã có khả năng dân chủ hóa ngay cả khi vắng bóng Liên minh Châu Âu, thì Liên minh Châu Âu lại đóng một vai trò trọng yếu trong các khu vực khác của Châu Âu như ở Albania, Rumani và Xecbi, nơi mà những điều kiện nội tại (như chậm phát triển hoặc những căng thẳng sắc tộc sâu sắc) không thuận lợi cho sự phát triển dân chủ.

Quả thực, có lẽ trừ Mông Cổ thì những nền dân chủ ổn định duy nhất xuất hiện sau 1989 đều là những nền dân chủ được chấp nhận làm thành viên đầy đủ của Liên minh Châu Âu. Liên minh Châu Âu là tổ chức duy nhất trong số các tổ chức khu vực coi những cam kết lâu dài đối với dân chủ như một điều kiện để trở thành thành viên. Vào những năm 1990, địa vị thành viên của Liên minh Châu Âu được xem như đồng nghĩa với thịnh vượng, và sự mở rộng của Liên minh trở thành

¹⁵ Đo bằng GDP bình quân đầu người theo giá trị đô la hiện nay. Dữ liệu lấy từ World Bank World Development Indicators có tại www.worldbank.org. Dữ liệu bao gồm các quốc gia chưa độc lập tại thời điểm năm 1990.

“một trong những biến số quan trọng nhất của đời sống chính trị.”¹⁶ Ở những quốc gia như Macedonia, Rumani, và Slovakia, những can dự sâu rộng của các chủ thể từ Mỹ và Châu Âu là chìa khóa để ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực độc tài, giúp phát triển truyền thông độc lập mạnh mẽ cũng như những tổ chức phi chính phủ ủng hộ dân chủ.

Một môi trường bất lợi

Ai cũng đồng ý rằng môi trường bên ngoài ở Trung Đông và Bắc Phi rất bất lợi cho dân chủ. Hiển nhiên ở đây không có một tổ chức tương tự như Liên minh Châu Âu và quan hệ của khu vực với thế giới Phương Tây nói một cách nhẹ nhàng là khá căng thẳng. Hơn nữa, cả sự đe dọa của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan và những lợi ích năng lượng quan trọng của Phương Tây ở khu vực sẽ tiếp tục lôi cuốn các nước Phương Tây ủng hộ các lực lượng độc tài phi Hồi giáo trong thời gian tới. Các nhân tố đó tự thân chúng không làm hại sự phát triển dân chủ, nhưng chúng cho thấy trái ngược hoàn toàn với Trung và Đông Âu, sự nghiệp dân chủ hóa ở Trung Đông và Bắc Phi sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào sự cân bằng quyền lực nội tại giữa những lực lượng ủng hộ và kìm hãm dân chủ trong mỗi quốc gia.

Ở cả Tuynidi và Ai Cập, có các lý do để lạc quan. Tương ứng với diện tích của quốc gia, Tuynidi có tầng lớp trung lưu lớn nhất thế giới Ả-rập, và xét về phương diện lịch sử, Tuynidi có phong trào công nhân mạnh mẽ nhất. Ai Cập cũng sở hữu một lực lượng đối lập được tổ chức tương đối chặt chẽ mặc dù dưới hình thức là lực lượng Huynh Đệ Hồi giáo. Trong cả hai quốc gia này, lãnh đạo của các cuộc cách mạng gồm nhiều lực lượng dân chủ thế tục và tương đối trẻ, và trong nhiều phương diện các lực lượng này tương tự như các lực lượng xuất hiện trong các cuộc “cách mạng màu” vào đầu những năm 2000 ở Xecbi, Grudia và Ucraina.

Tuy nhiên, các lực lượng dân chủ của cả hai quốc gia Tuynidi và Ai Cập đều còn rất non trẻ. Vào đầu năm 2011 các nhà lãnh đạo dân chủ và thế tục được hưởng lợi từ việc dân chúng bất mãn với nguyên trạng nhưng chưa bao giờ đoàn kết. Họ cũng thiếu các tổ chức được thiết lập chặt chẽ có khả năng thâm nhập xã hội và huy động sự ủng hộ chính trị bền vững. Trong nhiều trường hợp, các nhà lãnh đạo chỉ huy các lực lượng mới tồn tại trong vài tháng hoặc vài tuần. Kết quả là, những nhà đối lập thế tục ở Ai Cập và Tuynidi tìm cách trì hoãn các cuộc bầu cử.

¹⁶ Jan Zielonka, “Introduction: Enlargement and the Study of European Integration,” in Jacques Rupnik and Jan Zielonka, eds., *The road to the European Union. Vol. 1, The Czech and Slovak Republics* (Manchester: Manchester University Press, 2003), 1.

Quan trọng nhất, vào giữa năm 2011, quyền lực trong mỗi quốc gia vẫn còn nằm trong tay những kẻ lưu nhiệm từ chế độ cũ. Ở Tuynidi các cựu binh của chế độ cũ vẫn chi phối quá trình chuyển giao chính phủ. Ở Ai Cập, quân đội vẫn có vai trò rất lớn. Như Jason Brownlee đã lưu ý sau sự sụp đổ của Mubarak, “các tướng lĩnh... không trở lại doanh trại, hủy bỏ Luật Tình trạng Khẩn cấp (một mục đích cốt lõi của các nhà tổ chức sự kiện ngày 25 tháng Giêng), hoặc chuyển giao quyền hành pháp cho một ủy ban quá độ do dân sự kiểm soát.”¹⁷ Sự thực, Hội đồng Tối cao các Lực lượng Vũ trang (SCAF) mặc dù thi thoảng vẫn dung thứ các chỉ trích đối lập nhưng tiếp tục kiểm duyệt truyền thông và hạn chế gặt gao biểu tình. Thực tế rằng triển vọng dân chủ phụ thuộc vào lòng hào tâm của các nhà độc tài lưu niên rõ ràng là một điều không ổn.

Cùng lúc đó, ở cả Tuynidi và Ai Cập, các lực lượng xã hội được tổ chức tốt nhất đều bắt nguồn từ truyền thống của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan và không có một cam kết dứt khoát nào đối với dân chủ tự do. Ở Tuynidi, một lực lượng Hồi giáo được hợp thức hóa gần đây có tên gọi Hizb al-Nahda (Đảng Phục hưng) là một lực lượng chính trị dày dặn kinh nghiệm, bao quát, và được tổ chức chặt chẽ nhất của quốc gia này. Mặc dù Hizb al Nahda tự giới thiệu mình là một lực lượng Hồi giáo ôn hòa theo khuôn mẫu của Đảng Công lý và Phát triển của Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng vẫn có một số lo ngại rằng nếu đảng này giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử thì có thể dẫn tới sự ra đời của một chính phủ Hồi giáo phi dân chủ.¹⁸ Tuy nhiên vẫn có người cho rằng những phản ứng không khoan nhượng đối với al-Nahda của những lực lượng thế tục sẽ thúc đẩy tình trạng phân cực và sẽ hủy hoại sự thiết lập một trật tự dân chủ ổn định.

Ở Ai Cập, tổ chức Huynh Đệ Hồi giáo, vốn thoát đầu không ủng hộ các cuộc biểu tình hồi tháng Giêng, giờ đây đã thay thế tầng lớp thanh niên thế tục trở thành lực lượng dẫn dắt thay đổi ở nước này. Tầng lớp trẻ, những người đã lấp đầy Quảng trường Tahrir của Cairo có thể biết sử dụng Facebook (mạng xã hội), nhưng tổ chức Huynh Đệ Hồi giáo lại có chi nhánh ở mọi làng mạc và thành phố. Vào tháng Ba, tổ chức này đã viện đến những kêu gọi mang tính tôn giáo để hối thúc các cử tri chuẩn thuận một cuộc trưng cầu dân ý về bầu cử sớm và đề xuất này đã được đồng ý một cách áp đảo bất chấp sự phản đối mạnh mẽ từ các lực lượng dân chủ mới hơn. Bản thân tổ chức Huynh Đệ Hồi giáo cũng đang phải đối mặt với những chia rẽ trong nội bộ và cho tới nay họ vẫn kiểm chế trong việc tìm cách nắm

¹⁷ Jason Brownlee “Egyp’s Incomplete Revolution: The Challenge of Post-Mubarak Authoritarianism,” 5 July 2011, available at www.jadaliyya.com/pages/index/2059/egypts_incomplete-revolution_the_challenge-of-post.

¹⁸ Scott Sayare, “Tunisia Is Uneasy Over Party of Islamists” *New York Time*, 15 May 2011.

quyền hành pháp. Tuy vậy, với vị trí vượt trội, cũng như sự xuất hiện ngày càng nhiều các lực lượng Hồi giáo cực đoan, chẳng hạn như phong trào Salafi, tổ chức này có thể đe dọa sự mở mang dân chủ. Điều này đặc biệt chính xác nếu các lực lượng Hồi giáo thiết lập một liên minh với quân đội – một kết quả mà nhiều người lo ngại đã xuất hiện.¹⁹

Cuối cùng, những triển vọng của nền dân chủ ở Libya là mờ nhạt hơn cả. Nơi đây, trở ngại lớn nhất không chỉ là sự áp đảo tiềm tàng của tầng lớp cầm quyền trong chế độ cũ hoặc một xã hội dân sự suy yếu sau 42 năm sống dưới chế độ bán toàn trị mà còn là những khó khăn mà các lãnh đạo gặp phải trong việc thiết lập *bất cứ* một dạng trật tự chính trị nào – dù là dân chủ hay chuyên chế.

Trong những sự kiện của cả năm 1989 và 2011, thế giới đã chứng kiến một tình trạng dễ bị tổn thương đáng ngạc nhiên của nhiều chế độ chuyên chế có bề ngoài xem ra ổn định và được bảo vệ chặt chẽ. Những sự kiện này cho thấy chúng ta không nên nghĩ rằng chỉ vì chế độ độc tài đã bám víu quyền lực trong nhiều năm nên chúng sẽ tồn tại ổn định dù đương đầu với sự chống đối mạnh mẽ. Để có những hiểu biết tốt hơn về sự bất ổn tiềm tàng của thể chế độc tài, chúng ta phải tìm hiểu xem những lực lượng nào đã gắn kết tầng lớp tinh hoa cầm quyền chuyên chế lại với nhau. Những chế độ xuất phát từ đấu tranh cách mạng gần đây thường vẫn tồn tại mặc dù phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng nhất của khủng hoảng kinh tế hay lực lượng đối lập, như sự trụ vững của các nhà cầm quyền ở Trung Quốc năm 1989, và Cuba hay Bắc Triều Tiên đầu những năm 1990. Do vậy hiện nay, Iran có lẽ là chế độ chuyên chế vững mạnh nhất trong khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Ngược lại, các chế độ thiếu các nguồn lực kết dính phi vật chất sẽ có thể bị sụp đổ khi phải đối mặt với sự xuất hiện của một lực lượng đối lập mạnh mẽ. Trong khi đó, như chúng ta đã biết ở Liên Xô cũ, sự sụp đổ của chế độ độc tài lại không phải là một bảo đảm cho nền dân chủ. Do địa vị thống trị tiếp tục của những kẻ cầm quyền trong chế độ cũ, sự non yếu của các lực lượng dân chủ, và môi trường quốc tế hiện nay, một số hình thái của chủ nghĩa chuyên chế nhiều khả năng sẽ còn thống trị lâu dài ở khu vực Trung Đông và Bắc Phi trong thời gian tới.

¹⁹ “Muslim Brotherhood Gains Power in Egypt,” United Press International, 25 March 2011.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng ý của độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.

- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>
Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.